

Bản án số: 173/2020/HC-PT

Ngày: 15-9-2020

V/v khiếu kiện quyết định hành chính,
hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường**.

Các Thẩm phán: Ông **Vũ Thanh Liêm**.

Ông **Nguyễn Thanh Long**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Tuyết Trinh** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông **Lê Quang Hiệp**
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15-9-2020, tại trụ sở. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 141/2020/TLPT-HC ngày 28-02-2020 về “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 54/2019/HC-ST ngày 08-11-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1480/2020/QĐ-PT ngày 27-8-2020, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông **Nguyễn Xuân A** và bà **Lê Thị K**; cùng địa chỉ cư trú: Khối phố A1, phường A2, thành phố T1, tỉnh Quảng Nam. Ông A vắng mặt, bà K có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông **Nguyễn Văn L**; địa chỉ cư trú: Khối phố A1, phường A2, thành phố T1, tỉnh Quảng Nam (Giấy ủy quyền ngày 14-9-2020), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

Luật sư **Nguyễn S** - Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Quảng Nam, có mặt.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố T1, tỉnh Quảng Nam.

2. Ủy ban nhân dân thành phố T1, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Hồng Q** - Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Trường S** - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T1, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông Đinh Hữu Tr - Chức vụ: Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T1, có mặt.

2. Ông Lê Quang Đ - Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T1, có mặt.

3. Ông Nguyễn Văn Tr1 - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A2, thành phố T1, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện trình bày:

Sau khi nhận Quyết định số 3373/QĐ-UBND ngày 05-7-2013 của Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thành phố T1 về thu hồi đất của gia đình ông, bà (Nguyễn Xuân A, Lê Thị K) và Quyết định số 3564/QĐ-UBND ngày 17-7-2013 của UBND thành phố T1 về việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với hộ gia đình Nguyễn Xuân A, Lê Thị K; ông, bà thấy các quyết định này áp số liệu đất không chính xác với thực tế, dẫn đến sự hiểu nhầm là lần này UBND thành phố T1 chỉ thu hồi 1.306,7 m², trong số 1.677 m², còn lại để cho gia đình ông, bà tiếp tục sử dụng 370,3 m². Tuy nhiên, đến năm 2014, khi bàn giao mặt bằng thì ông, bà mới biết gia đình bị thu hồi thiếu 370,3 m² đất, trong tổng số 1.677 m² đất, nhưng ông, bà vẫn chấp hành và nhận bồi thường trước diện tích 1.306,7 m²; đồng thời, có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND thành phố T1 và Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T1 để xem xét lại việc thu hồi đất theo đúng diện tích thực tế là 1.677 m², nhưng không được giải quyết. Sau đó, UBND thành phố T1 đã tự động ban hành Quyết định số 2478/QĐ-UBND ngày 14-4-2014 để điều chỉnh Quyết định số 1107/QĐ-CT ngày 22-3-2011 của Chủ tịch UBND thành phố T1 về việc giải quyết khiếu nại của ông, bà và ngày 16-7-2018, UBND phường A2 có Thông báo yêu cầu ông, bà bàn giao 370,3 m² đất còn lại (chưa được bồi thường) để thi công. Xét thấy, việc giải quyết khiếu nại không đúng nên ông, bà khởi kiện, yêu cầu Tòa án:

- Hủy Quyết định số 2478/QĐ-UBND ngày 14-4-2014 của UBND thành phố T1 về việc điều chỉnh số liệu diện tích ghi tại Quyết định 1107/QĐ-CT ngày 22-3-2011 của Chủ tịch UBND thành phố T1.

- Buộc UBND thành phố T1 ban hành quyết định thu hồi, bồi thường diện tích 370,3 m² đất trồng cây lâu năm còn thiếu chưa bị thu hồi, bồi thường theo đúng Quyết định giải quyết khiếu nại số 4235/QĐ-UBND ngày 20-12-2012 của UBND tỉnh Quảng Nam.

- Hủy Công văn trả lời đơn khiếu nại số 1473/UBND-VP ngày 09-8-2018 của Ủy ban nhân dân thành phố T1.

Người bị kiện trình bày:

- Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 2478/QĐ-UBND ngày 14-4-2014 của UBND thành phố T1:

Khiếu nại của hộ ông Nguyễn Xuân A, bà Lê Thị K đã được giải quyết tại Quyết định số 1107/QĐ-CT ngày 22-3-2011 của Chủ tịch UBND thành phố T1, Quyết định số 2478/QĐ-UBND ngày 14-4-2014 của UBND thành phố T1, Quyết định số 4235/QĐ-UBND ngày 20-12-2012 của UBND tỉnh Quảng Nam và Quyết định số 2468/QĐ-CT ngày 11-8-2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam. Đề nghị người khởi kiện xem lại nhận quyết định từ năm nào để xem còn thời hiệu khởi kiện không. Do đó, ông Nguyễn Xuân A, bà Lê Thị K yêu cầu hủy Quyết định số 2478/QĐ-UBND ngày 14-4-2014 của UBND thành phố T1 là không có cơ sở.

- Đối với yêu cầu buộc UBND thành phố T1 bồi thường tiếp 370,3 m² đất trồng cây lâu năm chưa bị thu hồi theo đúng Quyết định giải quyết khiếu nại số 4235/QĐ-UBND ngày 20-12-2012 của UBND tỉnh Quảng Nam:

Theo Xác nhận nguồn gốc sử dụng đất ngày 01-02-2013 của UBND phường A2, thì hộ ông Nguyễn Xuân A, bà Lê Thị K sử dụng đất ổn định và có nhà ở trước ngày 18-12-1980. Diện tích biến động so với hồ sơ Nghị định số 64/CP là do sai số giữa các lần đo đạc. Diện tích xác nhận là 1.306,7 m² giảm so với trích đo địa chính là 1.334,7 m² là do trừ diện tích bồi thường đường An Hà - Quảng Phú là 28 m², loại đất vườn (CLN).

Hộ ông Nguyễn Xuân A, bà Lê Thị K sử dụng thửa đất số 02, tờ bản đồ số 54, tổng diện tích là 1.306,7 m². Trong đó, bồi thường 284,3 m² đất ở đường Lê Thánh Tông (đường An Hà - Quảng Phú); 514,7 m² đất ở vị trí KDC các khối phố và 507,7 m² đất CLN (đất vườn). Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là 636.162.322 đồng. Hộ ông Nguyễn Xuân A, bà Lê Thị K đã nhận 100% tiền bồi thường, hỗ trợ, nhận đất tái định cư (02 lô chính), ký biên bản bàn giao mặt bằng vào ngày 10-01-2014 và cam kết hiện nay còn một số vật kiến trúc (chuồng bò) gia đình không sử dụng đề nghị thi công san lấp.

Theo hồ sơ trích lục bản đồ do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Quảng Nam, thì hộ ông Nguyễn Xuân A, bà Lê Thị K sử dụng tại thửa số 02, tờ bản đồ số 54, diện tích 1.306,7 m² (diện tích này đã trừ 28 m² đất vườn đã thực hiện bồi thường dự án đường An Hà - Quảng Phú năm 2003).

Đối chiếu với hồ sơ địa chính Nghị định số 64/CP thì hộ ông Nguyễn Xuân A, bà Lê Thị K đăng ký tại thửa số 450, tờ bản đồ số 29, diện tích 1.677 m². Như vậy, phần diện tích đất theo đo đạc thực tế giảm hơn so với diện tích ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là $1.677\text{m}^2 - 1.306,7\text{m}^2 = 370,3\text{m}^2$.

Trên cơ sở đó, ngày 15-8-2013, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T1 phối hợp với UBND phường A2 làm việc trực tiếp với hộ ông Nguyễn Xuân A, bà Lê Thị K và hộ ông A đã thống nhất ký Biên bản với nội dung đồng ý với số liệu đo đạc thực tế là 1.334,7 m² (trong đó có 28 m² đất vườn mà hộ ông (bà) đã nhận tiền bồi thường đường An Hà - Quảng Phú vào năm 2003). Sau đó, UBND thành phố T1 có Báo cáo số 55/UBND-PTQĐ ngày 15-5-2013 tham mưu cho UBND dân tỉnh Quảng Nam xem xét điều chỉnh số liệu diện tích đất theo Quyết định giải quyết khiếu nại số 4235/QĐ-UBND ngày 20-12-2012 của UBND tỉnh Quảng Nam và ngày 11-8-2014, UBND tỉnh Quảng Nam có Quyết định số 2468/QĐ-UBND điều chỉnh, bổ sung Quyết định 4235/QĐ-UBND ngày 20-12-2012. Tuy nhiên, trong quá trình thi công thì hộ ông Nguyễn Xuân A, bà Lê Thị K không cho đơn vị thi công san lấp mặt bằng và

cho rằng Nhà nước bồi thường còn thiếu của hộ ông (bà) là 370,3 m² đất cây lâu năm (đất vườn) là không đúng.

- Đối với yêu cầu hủy Công văn số 1473/UBND-VP ngày 09-8-2018 của UBND thành phố T1:

Theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo thì thời hiệu khiếu nại đã hết, nên UBND thành phố T1 trả lời ông Nguyễn Xuân A, bà Lê Thị K tại Công văn số 1473/UBND-VP ngày 09-8-2018 là đúng quy định của pháp luật.

Vì vậy, UBND và Chủ tịch UBND thành phố T1 đề nghị Tòa án không chấp nhận các nội dung khởi kiện của hộ ông Nguyễn Xuân A, bà Lê Thị K.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 54/2019/HC-ST ngày 08-11-2019, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam:

Căn cứ vào các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 144 của Luật Tổ tụng hành chính. Điều 158; khoản 7 Điều 11 của Luật Khiếu nại năm 2011. Điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân A và bà Lê Thị K về việc yêu cầu Tòa án: Hủy Quyết định số 2478/QĐ-UBND ngày 14-4-2014 của UBND thành phố T1 về việc điều chỉnh số liệu diện tích ghi tại Quyết định số 1107/QĐ-CT ngày 22-3-2011 của Chủ tịch UBND thành phố T1; buộc UBND thành phố T1 ban hành quyết định thu hồi, bồi thường diện tích 370,3 m² đất trồng cây lâu năm còn thiếu chưa bị thu hồi, bồi thường theo đúng Quyết định giải quyết khiếu nại số 4235/QĐ-UBND ngày 20-12-2012 của UBND tỉnh Quảng Nam và hủy Công văn trả lời đơn khiếu nại số 1473/UBND-VP ngày 09-8-2018 của UBND thành phố T1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 22-11-2019, ông Nguyễn Xuân A và bà Lê Thị K kháng cáo toàn bộ bản án.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Do không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận các nội dung khởi kiện, nên ngày 22-11-2019, người khởi kiện là ông Nguyễn Xuân A và bà Lê Thị K kháng cáo bản án. Đơn kháng cáo của các đương sự là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các nội dung khởi kiện; người bị kiện giữ nguyên các quyết định hành chính đã ban hành và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Như vậy, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử

phức thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính: Bác kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của người khởi kiện:

Ông Nguyễn Xuân A và bà Hồ Thị K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét về các vấn đề:

[2.1]. Về tố tụng:

Ông Lê Xuân Ánh và bà Lê Thị K khởi kiện yêu cầu Tòa án: “*Hủy Quyết định số 2478/QĐ-UBND ngày 14-4-2014 của UBND thành phố T1 về việc điều chỉnh số liệu diện tích ghi tại Quyết định số 1107/QĐ-CT ngày 22-3-2011 của Chủ tịch UBND thành phố T1; buộc UBND thành phố T1 ban hành quyết định thu hồi, bồi thường diện tích 370,3 m² đất trồng cây lâu năm còn thiếu chưa bị thu hồi, bồi thường theo đúng Quyết định giải quyết khiếu nại số 4235/QĐ-UBND ngày 20-12-2012 của UBND tỉnh Quảng Nam và hủy Công văn trả lời đơn khiếu nại số 1473/UBND-VP ngày 09-8-2018 của UBND thành phố T1*”. Quyết định này làm chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, nên là quyết định hành chính; đồng thời, yêu cầu buộc UBND thành phố T1 ban hành quyết định thu hồi, bồi thường là hành vi hành chính, do đó đều là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và còn trong thời hiệu khởi kiện. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 32 và Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là thực hiện đúng quy định tại Điều 158 của Luật tố tụng hành chính.

[2.2]. Về nội dung:

- Đối với kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định số 2478/QĐ-UBND ngày 14-4-2014 của UBND thành phố T1 về việc điều chỉnh số liệu diện tích ghi tại Quyết định 1107/QĐ-CT ngày 22-3-2011 của Chủ tịch UBND thành phố T1 và buộc UBND thành phố T1 ban hành quyết định thu hồi, bồi thường diện tích 370,3 m² đất trồng cây lâu năm còn thiếu chưa bị thu hồi bồi thường theo đúng Quyết định giải quyết khiếu nại số 4235/QĐ-UBND ngày 20-12-2012 của UBND tỉnh Quảng Nam:

Theo Xác nhận nguồn gốc sử dụng đất ngày 01-02-2013 của UBND phường A2, thì hộ ông Nguyễn Xuân A, bà Lê Thị K sử dụng đất ổn định và có nhà ở trước ngày 18-12-1980. Diện tích đất biến động cụ thể như sau:

+ Theo hồ sơ 299/TTg: hộ ông Nguyễn Xuân A đăng ký diện tích đất 799 m², loại đất T, tại thửa số 451, tờ bản đồ số 02.

+ Theo hồ sơ 64/CP: hộ ông Nguyễn Xuân A kê khai 1,667 m², loại đất T, tại thửa số 450, tờ bản đồ số 29, được UBND thị xã T1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18-9-2002.

+ Theo hồ sơ 60/CP: thửa số 692, tờ bản đồ số 54, diện tích 1.220,5 m². Trong đó: đất ở 200 m²; đất vườn (CLN) 1.020,5 m²; ngày đăng ký: duyệt ngày 06-4-2005, họ tên người đăng ký: Nguyễn Xuân A.

+ Theo hồ sơ trích lục bản đồ do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh

Quảng Nam thực hiện, được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt ngày 15-4-2013, thì hộ ông Nguyễn Xuân A sử dụng đất tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 29, diện tích 1.306,7 m² (diện tích này đã trừ 28 m² đất vườn đã thực hiện bồi thường dự án đường An Hà - Quảng Phú năm 2003).

Ngày 15-8-2013, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T1 phối hợp với UBND phường A2 làm việc trực tiếp với hộ ông Nguyễn Xuân A, bà Lê Thị K và hộ ông A đã thống nhất ký vào biên bản với nội dung: “*Đồng ý với số liệu đo đạc thực tế là 1.334,7 m² (trong đó có 28 m² đất vườn đã thực hiện bồi thường dự án đường An Hà - Quảng Phú năm 2003)*” - Bút lục số 46. Mặt khác, tại biên bản kê khai và kiểm kê ngày 12-7-2012 và Biên bản tính giá trị bồi thường ngày 16-7-2013, thì hộ ông Nguyễn Xuân A, bà Lê Thị K đều ký tên thừa nhận diện tích đất sử dụng là 1.306,7 m² (từ bút lục số 35 đến bút lục số 39).

Đối chiếu với Hồ sơ địa chính 64/CP thì hộ ông Nguyễn Xuân A đăng ký tại thửa số 450, tờ bản đồ số 29, diện tích 1.677 m². Như vậy, phần diện tích đất theo đo đạc thực tế giảm hơn so với diện tích ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất là: $1.677 \text{ m}^2 - 1.306,7 \text{ m}^2 = 370,3 \text{ m}^2$.

Do có sự khác nhau về số liệu giữa đo đạc thực tế khi tiến hành bồi thường và hồ sơ 64/CP của hộ ông Nguyễn Xuân A, nên UBND thành phố T1 có Báo cáo số 55/UBND-PTQĐ ngày 15-5-2013 về việc đề nghị điều chỉnh Quyết định giải quyết khiếu nại số 4235/QĐ-UBND ngày 20-12-2012 của UBND tỉnh Quảng Nam đối với hộ ông Nguyễn Xuân A (bút lục số 74). Ngày 14-4-2014, UBND thành phố T1 ban hành Quyết định số 2478/QĐ-UBND về việc điều chỉnh số liệu diện tích đất ghi tại Quyết định số 1107/QĐ-CT ngày 22-3-2011 của Chủ tịch UBND thành phố T1 về việc giải quyết đơn khiếu nại của hộ ông Nguyễn Xuân A, bà Lê Thị K. Sau đó, UBND Quảng Nam có Quyết định số 2468/QĐ-UBND ngày 11-8-2014 điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 4235/QĐ-UBND ngày 20-12-2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam giải quyết khiếu nại của hộ ông Nguyễn Xuân A bà Lê Thị K, trong đó có nội dung: “*Công nhận bồi thường, hỗ trợ đất ở với diện tích 799 m²; phần diện tích còn lại 878 m² ($1.677 \text{ m}^2 - 799 \text{ m}^2$) được công nhận đất trồng cây lâu năm và bồi thường theo đơn giá đất trồng cây lâu năm nay điều chỉnh thành: Công nhận bồi thường, hỗ trợ đất ở với diện tích 799 m²; phần diện tích còn lại 507,7 m² ($1.306,7 \text{ m}^2 - 799 \text{ m}^2$) được công nhận đất trồng cây lâu năm và bồi thường theo đơn giá đất trồng cây lâu năm*”. Đối với quyết định 2468/QĐ-UBND ngày 11-8-2014 của UBND tỉnh Quảng Nam này, ông Nguyễn Xuân A, bà Lê Thị K không khởi kiện nên có hiệu lực thi hành.

Như vậy, hộ ông Nguyễn Xuân A, bà Lê Thị K quản lý, sử dụng thửa đất số 02, tờ bản đồ số 54, tổng diện tích là 1.306,7 m². Trong đó, bồi thường 284,3 m² đất ở đường Lê Thánh Tông (đường An Hà - Quảng Phú); 514,7 m² đất ở vị trí KDC các khối phố và 507,7 m² đất CLN (đất vườn). Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là 636.162.322 đồng. Hộ ông Nguyễn Xuân A, bà Lê Thị K đã nhận 100% tiền bồi thường, hỗ trợ, nhận đất tái định cư (02 lô chính), ký biên bản bàn giao mặt bằng vào ngày 10-01-2014 và cam kết: Hiện nay còn một số vật kiến trúc (chuồng bò) gia đình không sử dụng đề nghị thi công san lấp (bút lục số 44 và 45).

Đối với diện tích đất 370,3 m² ($1.677 \text{ m}^2 - 1.306,7 \text{ m}^2$) mà ông Lê Xuân Anh, bà

Lê Thị K yêu cầu UBND thành phố T1 ban hành quyết định thu hồi, bồi thường là diện tích ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp, còn theo đo đạc thực tế chỉ là 1.306,7 m². Vì vậy, UBND thành phố T1 chỉ quyết định thu hồi, bồi thường đất thực tế hộ ông Nguyễn Xuân A đang quản lý, sử dụng là đúng quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm: “Bác yêu cầu hủy Quyết định số 2478/QĐ-UBND ngày 14-4-2014 của UBND thành phố T1 về việc điều chỉnh số liệu diện tích ghi tại Quyết định 1107/QĐ-CT ngày 22-3-2011 của Chủ tịch UBND thành phố T1 và buộc UBND thành phố T1 ban hành quyết định thu hồi, bồi thường diện tích 370,3 m² đất trồng cây lâu năm còn thiếu chưa bị thu hồi, bồi thường theo đúng Quyết định giải quyết khiếu nại số 4235/QĐ-UBND ngày 20-12-2012 của UBND tỉnh Quảng Nam” là có căn cứ.

- Đối với kháng cáo yêu cầu hủy Công văn trả lời đơn khiếu nại số 1473/UBND-VP ngày 09-8-2018 của UBND thành phố T1:

Do hộ ông Nguyễn Xuân A, bà Lê Thị K yêu cầu bồi thường phần diện tích 370,3 m² đất thuộc Dự án Khu dân cư phía Tây đường An Hà - Quảng Phú đã được Chủ tịch UBND thành phố T1 giải quyết khiếu nại (lần đầu) tại Quyết định số 1107/QĐ-CT ngày 22-3-2011 và Quyết định số 2478/QĐ-UBND ngày 14-4-2014 về việc điều chỉnh số liệu diện tích ghi tại Quyết định số 1107/QĐ-CT ngày 22-3-2011. Do không thống nhất với kết quả giải quyết khiếu nại, hộ ông Nguyễn Xuân A, bà Lê Thị K tiếp tục khiếu nại và được Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam giải quyết khiếu nại (lần hai) tại Quyết định số 4235/QĐ-UBND ngày 20-12-2012 và điều chỉnh bổ sung tại Quyết số 2468/QĐ-CT ngày 11-8-2014 của UBND tỉnh Quảng Nam đang có hiệu lực thi hành.

Tuy nhiên, vợ chồng ông Nguyễn Xuân A, bà Lê Thị K tiếp tục có đơn khiếu nại, nhưng không có nội dung gì khác, nên UBND thành phố T1 ban hành Công văn số 1473/UBND-VP ngày 09-8-2018 về việc trả lời đơn cho hộ ông Nguyễn Xuân A, bà Lê Thị K là đúng quy định tại khoản 7 Điều 11 của Luật Khiếu nại năm 2011. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm “Bác yêu cầu hủy Công văn trả lời đơn khiếu nại số 1473/UBND-VP ngày 09-8-2018 của UBND thành phố T1” là đúng pháp luật.

Như vậy, kháng cáo của người khởi kiện là ông Nguyễn Xuân A, bà Lê Thị K đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, nhưng không có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Về án phí:

Mặc dù, kháng cáo không được chấp nhận, nhưng ông Nguyễn Xuân A và bà Lê Thị K là người cao tuổi, nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Xuân A và bà Lê Thị K được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính.

- Bác kháng cáo của ông Nguyễn Xuân A và bà Lê Thị K.

- Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 54/2019/HCST ngày 08-11-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Áp dụng khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính; xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân A và bà Lê Thị K về yêu cầu: Hủy Quyết định số 2478/QĐ-UBND ngày 14-4-2014 của UBND thành phố T1 về việc điều chỉnh số liệu diện tích ghi tại Quyết định số 1107/QĐ-CT ngày 22-3-2011 của Chủ tịch UBND thành phố T1; buộc UBND thành phố T1 ban hành quyết định thu hồi, bồi thường diện tích 370,3 m² đất trồng cây lâu năm còn thiếu chưa bị thu hồi, bồi thường theo đúng Quyết định giải quyết khiếu nại số 4235/QĐ-UBND ngày 20-12-2012 của UBND tỉnh Quảng Nam và hủy Công văn trả lời đơn khiếu nại số 1473/UBND-VP ngày 09-8-2018 của UBND thành phố T1.

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 1 Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Ông Nguyễn Xuân A và bà Lê Thị K không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- TANDTC - Vụ III;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- UBND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự (theo đ/chỉ);
- Lưu: h/sơ vụ án, các Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Việt Cường